

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thái Bình.

bà Dương Thị Phường.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Duy Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Tuyền, Kiểm sát viên.

Hội 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/HPT-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị KN, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị KN: Ông Z - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 04 tại huyện Đông Giang thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: anh HV, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2025, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị KN trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị KN và anh HV kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đến năm 2018 làm nhà và ra ở riêng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Anh HV thường ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm chị KN và cha mẹ chị. Có lần anh HV đánh chị phải nằm viện điều trị. Bên cạnh đó, anh HV ít đi làm, nếu kiếm được tiền thì tiêu xài cá nhân, không chăm lo gia đình. Do vợ chồng không hợp nhau nên năm 2021 chị làm đơn xin ly hôn nhưng đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Sau khi về sống đoàn tụ cuộc sống vợ chồng không thay đổi theo hướng tích cực mà tiếp tục mâu thuẫn.

Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị và anh HV không còn sống chung với nhau nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh HV.

2. Về con chung: chị và anh HV có 02 con chung là DM, sinh ngày 14/3/2016 và DK, sinh ngày 21/12/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu DM và cháu DK, không yêu cầu anh HV cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị KN không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh HV trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh HV và chị KN đến với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 18/11/2015, theo Giấy kết hôn số 10/2015, quyền số 04/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn P, xã T, huyện Đ. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Mỗi lần cãi nhau thì chị KN hay bỏ về nhà cha mẹ một thời gian rồi mới về lại nhà vợ chồng. Năm 2021, chị KN đã làm đơn ly hôn sau đó được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Trong lần ly hôn này, qua 02 lần Tòa án tiến hành hòa giải vào các ngày 16/4 và 24/4/2025 anh HV đã thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: anh chị có 02 con chung là DM, sinh ngày 14/3/2016 và DK, sinh ngày 21/12/2018. Ly hôn, anh HV có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu DM và cháu DK, yêu cầu chị KN có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: không yêu cầu giải quyết.

Qua xác minh tại Công an xã, UBND xã và Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Tà Lu cho thấy chị KN và anh HV sau khi kết hôn thì cả hai sinh sống ở thôn P, xã T, huyện Đ, Quảng Nam. Vợ chồng không có việc làm ổn định, chủ yếu làm rẫy và đi làm thuê. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 (trừ khoản 15) và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xét xử anh HV không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 15 Điều 70 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh HV vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị KN được ly hôn với anh HV.

- Về quan hệ con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu DM, sinh ngày 14/3/2016 cho chị KN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu DK, sinh ngày 21/12/2018 cho anh HV trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Do chị KN, anh HV mỗi người nuôi một người con nên không đề nghị các bên phải cấp dưỡng nuôi con mà mình không trực tiếp nuôi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị KN và anh HV không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị KN có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh HV, phân chia nghĩa vụ nuôi con. Anh HV có nơi cư trú tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị KN và anh HV kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Lu vào ngày 18/11/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa chị KN và anh HV là hợp pháp.

Theo trình bày của chị KN, anh HV và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị KN và anh HV tính tình không hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng đã được hòa giải đoàn tụ.

Trong quá trình chung sống, chị KN và anh HV bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, kéo dài, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần để chị KN và anh HV đoàn tụ với nhau nhưng giữa chị KN và anh HV không thống nhất đoàn tụ. Tại phiên hòa giải các ngày 16/4 và 24/4/2025, chị KN và anh HV đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị KN và anh HV lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị KN và anh HV theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị KN và anh HV có 02 con chung là DM, sinh ngày 14/3/2016 và DK, sinh ngày 21/12/2018. Ly hôn, chị KN có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu DM và cháu DK, không yêu cầu anh HV cấp dưỡng. Anh HV có nguyện vọng được nuôi cả cháu DM và cháu DK, yêu cầu chị KN có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Xét thấy chị KN và anh HV đều có nguyện vọng được nuôi con. Chị KN và anh HV đều có công việc và thu nhập như nhau, đều làm rẫy, làm thuê, nguồn thu nhập không ổn định nếu giao cả 02 con cho một người nuôi thì không đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của con. Bên cạnh đó, cháu DM có nguyện vọng được ở với chị KN, chị KN cũng mong muốn được nuôi cháu DM. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu của chị KN, giao cho chị KN trực tiếp nuôi cháu DM. Giao anh HV trực tiếp nuôi cháu DK là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chị KN, anh HV cũng như nguyện vọng của con. Vì mỗi người đều nuôi một người con nên không chấp nhận việc anh HV yêu cầu chị KN cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị KN và anh HV không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Năm 2025, hộ gia đình chị KN là hộ nghèo nên chị KN được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị KN và anh HV.

2. Về con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị KN về con chung. Chị KN và anh HV có 02 con chung. Giao con chung DM sinh ngày 14/3/2016 cho chị KN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên, chị KN không yêu cầu anh HV cấp dưỡng nuôi con. Giao con DK, sinh ngày 21/12/2018 cho anh HV trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Không chấp nhận việc anh HV yêu cầu chị KN cấp dưỡng nuôi cháu Hối Du DK mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị KN và anh HV không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị KN được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã Tà Lu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mạc Văn Hình